**TRƯỜNG TH VŨ XUÂN THIỀU**

**MA TRẬN ĐỀ TIẾNG VIỆT LỚP 4**

**HỌC KÌ II- NĂM HỌC 2016- 2017**

| **Mạch kiến thức, kĩ năng** | **Số câu, số điểm** | **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | | **Mức 4** | | **Tổng** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **Kiến thức tiếng Việt:**  -Biết mở rộng vốn từ theo chủ điểm đã học. Hiểu nghĩa một số thành ngữ, tục ngữ, từ Hán Việt thông dụng đã học.  - Biết và hiểu được 2 thành phần chính của câu, thành phần phụ trạng ngữ của câu. Tác dụng của thành phần phụ trạng ngữ.  - Nhận biết và hiểu về câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến. Biết đặt các câu theo mẫu.  - Nêu được cảm nhận về tác dụng của một số hình ảnh so sánh, nhân hóa trong câu văn, câu thơ. Viết được câu có dùng phép so sánh, nhân hóa. | Số câu | 2 |  | 2 |  |  | 1 |  | 1 | **4** | **2** |
| Số điểm | 1 |  | 1 |  |  | 1 |  | 1 | **2** | **2** |
| **Đọc hiểu văn bản:**  – Tìm được hoạt động, tâm trạng, đặc điểm của nhân vật, chi tiết có ý nghĩa trong bài đọc.  – Hiểu nội dung của bài đã đọc, hiểu ý nghĩa của bài.  – Giải thích được chi tiết trong bài bằng suy luận trực tiếp hoặc rút ra thông tin từ bài đọc.  – Nhận xét được hình ảnh, nhân vật hoặc chi tiết trong bài đọc; biết liên hệ những điều đọc được với bản thân và thực tế. | Số câu | 1 |  | 1 |  |  | 1 |  | 1 | **2** | **2** |
| Số điểm | 0,5 |  | 0,5 |  |  | 1 |  | 1 | **1** | **1** |
| **Tổng** | Số câu | **3** |  | **3** |  |  | **2** |  | **2** | **6** | **4** |
| Số điểm | ***1,5*** |  | ***1,5*** |  |  | ***2*** |  | ***2*** | ***3*** | ***4*** |